

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: KẾT QUẢ THI LẦN 2 - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022 - 2023
(Các môn Văn Hóa Phổ Thông - Hệ 2,5 năm)
KHÓA 14

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			Điểm TBM Lần 2			Điểm TB TK	Kết quả	MÔN THI	
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	Thi	TB Môn	KQ2				
							4,0											6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	2213360133	Nguyễn Hoàng Nhật	Hào	10/05/2006	02MK14C1	7,0	8,0	7,7		1,5	4,0	Thi lại	7,5	7,6	Đạt	7,6	Đạt	Toán 11
2	1213360032	Trần Phụng	Hằng	19/01/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 12
3	2213360061	Đinh Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	5,0	7,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại	7,5	7,0	Đạt	7,0	Đạt	Toán 11
4	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại	5	5,4	Đạt	5,4	Đạt	Văn 10
5	2213240199	Trần Phạm Tuấn	Kiệt	13/10/2005	02MK14C1	5,0	7,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại	4,5	5,2	Đạt	5,2	Đạt	Toán 11
6	2213240199	Trần Phạm Tuấn	Kiệt	13/10/2005	02MK14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	4,5	5,2	Đạt	5,2	Đạt	Hóa 12
7	1213360091	Nguyễn Thị Kim	Khánh	25/08/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại	4	4,9	Học Lại	4,9	Học Lại	Văn 12
8	1213360021	Lê Thị Hồng	Loan	09/12/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 12
9	1213360021	Lê Thị Hồng	Loan	09/12/2006	01KT14C1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại	5	5,7	Đạt	5,7	Đạt	Văn 11
10	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại	5	5,4	Đạt	5,4	Đạt	Văn 11
11	1213360150	Nguyễn Hoàng	Minh	04/09/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	6	6,1	Đạt	6,1	Đạt	Văn 11
12	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại	7,5	7,4	Đạt	7,4	Đạt	Toán 11
13	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại	6,5	6,8	Đạt	6,8	Đạt	Toán 11
14	2213360094	Trần Phương Bảo	Ngọc	23/02/2006	02MK14C1	10,0	8,0	8,7		1,0	4,1	Thi lại	6,5	7,4	Đạt	7,4	Đạt	Toán 11
15	1213360058	Lê Trung	Nguyễn	14/01/2005	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			Điểm TBM Lần 2			Điểm TB TK	Kết quả	MÔN THI	
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	Thi	TB Môn	KQ2				
							4,0											6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
16	1213360058	Lê Trung	Nguyễn	14/01/2005	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 10
17	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/7/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		3,0	4,7	Thi lại	7,5	7,4	Đạt	7,4	Đạt	Toán 11
18	1213360121	Phạm Minh	Phúc	19/03/2006	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại	4	4,8	Học Lại	4,8	Học Lại	Văn 10
19	2213360226	Huỳnh Nguyễn Minh	Quân	30/10/2005	02DN14C1	10,0	9,0	9,3		0,0	3,7	Thi lại	5	6,7	Đạt	6,7	Đạt	Toán 11
20	2213360377	Thái Bửu	Quốc	13/4/2005	02MK14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại	4,5	5,6	Đạt	5,6	Đạt	Toán 11
21	1203360032	Thái Thị Thủy	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 12
22	1213360015	Trần Nhật	Tiến	13/08/2005	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại	5	5,4	Đạt	5,4	Đạt	Văn 12
23	1213360079	Trần Minh	Tiến	24/08/2006	01TM14C1	6,0	6,0	6,0		3,0	4,2	Thi lại	4	4,8	Học Lại	4,8	Học Lại	Văn 11
24	1213360079	Trần Minh	Tiến	24/08/2006	01TM14C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	5	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Văn 10
25	2213360223	Trần Ngọc Bảo	Trân	27/01/2005	02MK14C1	10,0	7,0	8,0		0,0	3,2	Thi lại	3,8	5,5	Đạt	5,5	Đạt	Toán 10
26	2213360104	Võ Trần Thanh	Trúc	16/04/2006	02MK14C1	6,0	6,0	6,0		3,3	4,4	Thi lại	4,5	5,1	Đạt	5,1	Đạt	Hóa 12
27	2213360061	Đinh Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	8,0	6,3	6,8		1,5	3,6	Thi lại	6	6,3	Đạt	6,3	Đạt	Hóa 10
28	2213360303	Cao Thanh	Hải	03/7/1990	02YS14D1	6,0	4,0	4,7		3,0	3,7	Thi lại	3	3,7	Học Lại	3,7	Học Lại	Hóa 11
29	2213360333	Vũ Hồng	Thành	36444	02DN14D1	9,0	5,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	3,8	4,8	Học Lại	4,8	Học Lại	Hóa 11
30	2213360269	Y Mut	Êban	04/6/1991	02YS14D1	7,0	5,0	5,7		4,3	4,9	Thi lại	3,8	4,6	Học Lại	4,6	Học Lại	Hóa 11
31	2213360058	Nguyễn Thị Kim	Yến	21/04/1999	02MK14D1	7,0	5,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại	3	4,1	Học Lại	4,1	Học Lại	Hóa 11
32	2213360269	Y Mut	Êban	04/6/1991	02YS14D1	7,0	6,0	6,3		3,8	4,8	Thi lại	7	6,7	Đạt	6,7	Đạt	Hóa 12
33	2213360360	Nguyễn Thị Thiên	Nga	22/9/2004	02MK14D1	7,0	9,0	8,3		0,0	3,3	Thi lại	5,5	6,6	Đạt	6,6	Đạt	Hóa 12
34	2193360036	Lê Thị Trúc	Giang	09/09/2004	02DS12C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại	4,3	5,1	Đạt	5,1	Đạt	Hóa 12